

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung.

Bà Đỗ Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 573/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 07/4/1997;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người được chị L ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992; địa chỉ: A đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ; sinh ngày: 12/06/1993;

Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 06/02/2017. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm

2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau; hơn nữa, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống xa nhau nhưng không có niềm tin với nhau, thường nghi ngờ sự thủy chung của nhau nên anh chị không quan tâm đến nhau nữa, chị và anh Đ sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh chị, nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 20/06/2017, hiện con đang ở với anh Đ và ông bà nội. Chị đề nghị giao cháu Y cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại các bản khai, anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 06/02/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng. Năm 2020 chị L sang lao động tại Đài Loan, từ khi sang Đài Loan chị L không quan tâm đến bố con anh, chị không chung thủy với anh, gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2020 nên chị L xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày là đúng. Anh đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và nhất trí việc chị L tự nguyện cấp dưỡng cho con 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người được chị L ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị L, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị L biết, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn Đ; về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hải Y cho anh Đ tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương, hiện chị đang làm việc, sinh sống tại Đài Loan; bị đơn anh Nguyễn Văn Đ hiện đang sinh sống tại xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị L không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn xin ly hôn và ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn của chị đã được Văn phòng K tại Đ chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 06/02/2017 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của chị L, anh Đ, có cơ sở xác định trong cuộc sống chị L và anh Đ có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau và vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa, chị L xin ly hôn, anh Đ hoàn toàn nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Đ.

[2.2] Về quan hệ con chung: Cháu Nguyễn Thị Hải Y là con chung của chị L và anh Đ, hiện đang ở với anh Đ. Chị L và anh Đ thống nhất giao con chung cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận thỏa thuận của chị L, anh Đ, giao con chung là Nguyễn Thị Hải Y cho anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi, anh Đ nhất trí nên cần chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị L.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh Đ cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L là nguyên đơn, đồng thời phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 20/6/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Đ là 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 3/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị L không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ 300.000đ

(ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000373 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Ngọc T nộp thay), chị L còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu